

QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP ĐỐI VỚI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ

Tóm tắt: Thuế thu nhập doanh nghiệp là một trong các nguồn thu quan trọng và ổn định của ngân sách nhà nước, vì vậy quản lý nguồn thuế này luôn là yêu cầu đặt ra đối với các cơ quan thuế. Từ thực trạng quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế thành phố Huế và kết quả khảo sát 175 công ty trách nhiệm hữu hạn theo các nội dung: quản lý đăng ký, kê khai và nộp thuế; kiểm tra hồ sơ khai thuế; quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, bài viết đưa ra 5 khuyến nghị góp phần tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với loại hình công ty này tại địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn, quản lý thuế, Huế.

1. MỞ ĐẦU

Trong hệ thống pháp luật thuế hiện hành của Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là nguồn thu ổn định và quan trọng của ngân sách Nhà nước (NSNN), là công cụ góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển theo chiều hướng kế hoạch, chiến lược, phát triển toàn diện của Nhà nước; và là phương tiện hữu hiệu để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.

Kể từ khi Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 được Quốc hội khóa XII thông qua ngày 03/6/2008 và chính thức có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009, thực hiện thuế TNDN về cơ bản đạt được mục tiêu đề ra như công khai, minh bạch, đơn giản, đồng bộ với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tiễn (Hò Hương, 2020). Đây cũng là căn cứ quan trọng để công tác quản lý thuế từng bước được hiện đại hóa toàn diện cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy cơ quan thuế.

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của nền kinh tế, đặc biệt ảnh hưởng của Đại dịch Covid từ các tháng đầu năm 2020 đã ảnh hưởng sâu sắc đến các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp (DN) Việt Nam. Trong đó, đối với các DN có quy mô vừa và nhỏ, sự biến động nhanh về số lượng, sự sụt giảm về kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian qua đã làm cho công tác quản lý thuế TNDN đối mặt với những khó khăn nhất định. Vì vậy, tăng cường quản lý thuế TNDN được đặt ra nhằm đảo bảo phương châm thực hiện “thu đúng, thu đủ” của các cơ quan thuế trong bối cảnh mới.

Với hơn 2.826 doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế, trong đó Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) chiếm khoảng 70,62%, chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ. Hàng năm, thuế TNDN từ các Công ty TNHH trên địa bàn khá lớn, chiếm 90,7% trong tổng số thuế TNDN của các DNVVN và khoảng 78,7% trong tổng thuế TNDN thu được trên địa bàn thành phố Huế (Chi Cục thuế thành phố Huế, 2020). Thực tế cho thấy, phần lớn các Công ty TNHH trên địa bàn thành phố có quy mô nhỏ, hình thức kinh doanh khá đa dạng và khó kiểm soát, mức độ tuân thủ và hiểu biết về luật thuế còn có hạn chế nhất định. Thêm vào đó, việc thực hiện cơ chế “tự khai, tự tính, tự nộp thuế” đã tạo nên tình trạng các doanh nghiệp gian lận thuế, trốn thuế với nhiều hình thức tinh vi, khó phát hiện làm ảnh

hưởng không nhỏ đến nguồn thu NSNN. Chính vì vậy, tăng cường quản lý thuế thu nhập đối với Công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế là nội dung được đặt ra đối với chi cục Thuế thành phố.

Trên cơ sở phân tích công tác quản lý thuế TNDN tại Chi cục thuế thành phố Huế, kết hợp với kết quả khảo sát 175 công ty TNHH về nội dung liên quan, bài viết đề xuất một số gợi ý tăng cường công tác quản lý thuế này trên địa bàn thành phố Huế.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Một số khái niệm cơ bản

* **Thuế**: khi bàn về Thuế, các khái niệm luôn có sự khác nhau nhất định. Gaston Jeze (1935) cho rằng, Thuế là một khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp do các công dân đóng góp cho nhà nước thông qua con đường quyền lực nhằm bù đắp những chi tiêu của nhà nước”. Charles E. McLure (2015) định nghĩa: Thuế là một khoản tài chính bắt buộc hoặc một số loại thuế khác áp dụng cho người nộp thuế (một cá nhân hoặc pháp nhân) phải trả cho một tổ chức chính phủ để tài trợ cho các khoản chi tiêu công khác nhau.

Tại Việt Nam, Điều 3, Luật Quản lý thuế (2019) quy định: Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế.

Từ một số quan điểm trên cho thấy, tuy có cách nhìn nhận và diễn giải khác nhau nhưng điểm chung trong các khái niệm về thuế đều thể hiện 3 điểm cơ bản: là khoản thu mang tính bắt buộc; do nhà nước quy định và thực hiện; thu từ những cá nhân, tổ chức nộp thuế.

Hiện nay đối với các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam, tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh của mình sẽ có khoảng 10 loại thuế phải thực hiện như: Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế giá trị gia tăng; Thuế thu nhập cá nhân; Thuế xuất nhập khẩu; Thuế tài nguyên; Thuế bảo vệ môi trường; Thuế tiêu thụ đặc biệt; Thuế đăng ký doanh nghiệp; Thuế môn bài... Trong đó, thuế TNDN là một trong những loại thuế cơ bản, chủ yếu và bắt buộc doanh nghiệp phải đóng khi thực hiện hoạt động kinh doanh. Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả trình bày những điểm cơ bản về thuế TNDN và công tác quản lý thuế TNDN.

* **Thuế thu nhập doanh nghiệp**: Thuế TNDN là loại thuế trực thu, được thu dựa vào kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, DN. Thuế TNDN giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN và thực hiện phân phối thu nhập. Mức thuế cao hay thấp áp dụng cho các chủ thể thuộc đối tượng nộp thuế TNDN là khác nhau, điều đó phụ thuộc vào quan điểm điều tiết thu nhập và mục tiêu đặt ra trong phân phối thu nhập của từng quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Theo Nguyễn Thị Liên và Nguyễn Văn Liệu (2008), thuế TNDN là sắc thuế tính trên thu nhập chịu thuế của các DN trong kỳ tính thuế; là một loại thuế đánh vào thu nhập phát sinh của cơ sở sản xuất kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định thường là một kỳ kinh doanh (Tổng cục Thuế, 2011). Đối tượng phải nộp thuế TNDN được quy định tại Luật Thuế TNDN (2008) là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật Thuế TNDN (Luật số 14/2008/QH12).

* **Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn:** Công ty TNHH là loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân được pháp luật thừa nhận. Công ty và chủ sở hữu công ty là hai thực thể riêng biệt: công ty là pháp nhân và chủ sở hữu là thể nhân với các quyền và nghĩa vụ tương ứng với quyền sở hữu công ty. Về căn bản, các thành viên cùng góp vốn cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi phần vốn của mình góp vào công ty. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc Hội, Công ty TNHH bao gồm công ty TNHH một thành viên và công ty TNHH hai thành viên trở lên (Luật Doanh nghiệp, 2020).

Cũng giống như bất cứ các doanh nghiệp nào đang hoạt động tại Việt Nam, thuế TNDN của các công ty TNHH là loại thuế cơ bản, phải đóng với mức thuế suất 20% áp dụng đối với tất cả doanh nghiệp đã đăng ký theo Luật Doanh nghiệp hoạt động trong bất kỳ ngành nào, ngoại trừ các dự án thăm dò và khai thác dầu khí (với mức thuế từ 32% đến 50%). Các mức thuế ưu đãi 20%, 15% và 10% được áp dụng khi đáp ứng được một số tiêu chí như một số ngành công nghiệp hay địa phương đang khuyến khích đầu tư hiện hành.

Thuế TNDN được xác định trên cơ sở phần thu nhập chịu thuế nên phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty TNHH. Các công ty TNHH chỉ phải nộp thuế TNDN khi hoạt động kinh doanh có lợi nhuận. Cách tính thuế TNDN được quy định tại điều 1 Thông tư 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} * \text{Thuế suất thuế TNDN} (\%)$$

Với các Công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế, áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Đối với Thu nhập tính thuế được xác định:

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định}$$

Trong đó: *Thu nhập chịu thuế:* các khoản TN chịu thuế TNDN gồm “TN chịu thuế trong kỳ tính thuế là TN từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác”; *Thu nhập được miễn thuế:* những loại thu nhập này ít gặp và dành cho 1 vài doanh nghiệp khá đặc thù được quy định chi tiết tại Khoản 1, 2, 3 Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-BTC; *Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định:* lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm về thu nhập tính thuế. Chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước. DN sau khi quyết toán thuế cả năm mà bị lỗ thì phải chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế của những năm theo. Thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm. Kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

2.2. Quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp

Quản lý thuế TNDN được thực hiện bởi các cơ quan thuế, là hệ thống những quá trình có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm mục tiêu đảm bảo thu thuế đúng, đủ và công bằng trên cơ sở quy định của pháp luật thuế, bao gồm các hoạt động thu nhận hồ sơ khai thuế, tính toán số thuế phải nộp, đơn đốc thu thuế và cung cấp các dịch vụ tư vấn cho người nộp thuế.

Tại Việt Nam, công tác quản lý thuế được quy định tại Luật quản lý thuế ban hành ngày 13 tháng 6 năm 2019 (Luật số: 38/2019/QH14) và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế. Theo đó, nội dung quản lý thuế gồm: 1. *Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế*; 2. *Hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế*; 3. *Khoanh tiền thuế nợ; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; miễn tiền chậm nộp, tiền phạt; không tính tiền chậm nộp; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ*; 4. *Quản lý thông tin người nộp thuế*; 5. *Quản lý hóa đơn, chứng từ*; 6. *Kiểm tra thuế, thanh tra thuế và thực hiện biện pháp phòng, chống, ngăn chặn vi phạm pháp luật về thuế*; 7. *Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế*; 8. *Xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế*; 9. *Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế*; 10. *Hợp tác quốc tế về thuế*; và 11. *Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế*.

Đối với DN ngoài quốc doanh nói chung và công ty TNHH nói riêng, công tác quản lý TNDN của cơ quan thuế chủ yếu mang tính định hướng mục tiêu và tính thống nhất, đảm bảo trang thiết bị phục vụ hỗ trợ người nộp thuế (NNT), đồng thời CQT thực hiện quản lý và cập nhật các thông tin về ngành nghề và kết quả kinh doanh để phục vụ cho công tác quản lý thuế TNDN đối với DN trên địa bàn, đảm bảo nguồn thu đúng và đủ cho NSNN (Nguyễn Đình Trường, 2021). Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả tập trung đánh giá công tác quản lý thuế qua một số nội dung như: *quản lý đăng ký thuế, quản lý kê khai, kế toán thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế; quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; và tuyên truyền, hỗ trợ NNT đối với các công ty TNHH tại địa bàn nghiên cứu*.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

a. Thu thập thông tin: Bài viết sử dụng kết hợp dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp

- *Dữ liệu thứ cấp:* thu thập từ Báo cáo tổng kết công tác thuế của Chi cục Thuế thành phố Huế năm 2018, 2019, 2020; trích xuất từ phần mềm Quản lý thuế TMS; Websites của Cục thuế TTH và Tổng cục thuế; từ đề tài, bài báo khoa học liên quan đến nội dung nghiên cứu...

- *Dữ liệu sơ cấp:* được thu thập từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2021 theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện đối với các công ty TNHH đến giao dịch tại Chi cục Thuế thành phố Huế.

Thiết kế bảng hỏi: Trên cơ sở nội dung công tác quản lý thuế, bảng hỏi được thiết kế gồm 2 phần: *thứ nhất*, thông tin chung của công ty TNHH (ngành nghề, thời gian hoạt động, quy mô vốn...); *thứ hai*, đánh giá về 4 nội dung: quản lý đăng ký thuế, quản lý kê khai thuế; thanh tra và kiểm tra thuế; quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; và tuyên truyền, hỗ trợ NNT. Sử dụng thang đo Likert 5 mức độ: từ 1- *hoàn toàn không đồng ý* đến 5 – *hoàn toàn đồng ý*.

Trong quá trình khảo sát, 175 bảng hỏi đảm bảo về nội dung được sử dụng cho nghiên cứu, đạt 82,9% trong tổng số mẫu thu về.

b. Tổng hợp và phân tích dữ liệu: phương pháp thống kê mô tả (số tuyệt đối, số tương đối, trung bình, tần số, tần suất...), dãy số thời gian, kiểm định trung bình (One sample T – test), kiểm định sự khác biệt trung bình (Independent sample T – test và One - way Anova) được sử dụng để tóm tắt, phân tích và kiểm định các dữ liệu nghiên cứu. Dữ liệu được xử lý trên SPSS.

4. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

4.1. Tình hình quản lý thuế TNDN đối với Công Ty TNHH tại Chi cục Thuế thành phố Huế giai đoạn 2018 – 2020

a. Tình hình quản lý đăng ký, kê khai và nộp thuế TNDN

Thực hiện quản lý thuế TNDN đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) ở cấp thành phố trực thuộc tỉnh, tính đến năm 2020 Chi cục thuế thành phố Huế quản lý 1996 công ty TNHH, chiếm trên 70% trong tổng số doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn (DNVVN). Khoảng 70% các công ty TNHH trên địa bàn thuộc lĩnh vực thương mại và dịch vụ, phần lớn được phát triển từ các hộ kinh doanh cá thể, có sự biến động mỗi năm do được thành lập mới, ngừng, giải thể hay bỏ kinh doanh... do đó, công tác quản lý đăng ký, kê khai và nộp thuế TNDN đối với loại hình công ty này luôn được Chi cục thuế thành phố Huế chú trọng.

Bảng 1. Tình hình quản lý đăng ký, kê khai và thu thuế TNDN của Công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế qua 3 năm (2018 – 2020)

Chỉ tiêu	2018	2019	2020	2019/2018		2020/2019	
				+/-	%	+/-	%
1. Quản lý đăng ký thuế (công ty)							
- Cấp mã số thuế mới	467	454	399	-13	97,2	-55	87,9
- Dừng hoạt động	521	539	639	18	103,5	100	118,6
2. Tổng HSKT phải nộp (hồ sơ)	1353	1480	1517	127	109,4	37	102,5
- HSKT đã nộp	1318	1454	1487	136	110,3	33	102,3
+ Đúng hạn	1236	1366	1441	130	110,5	75	105,5
+ Chậm	82	88	46	6	107,3	-42	52,3
- HSKT không nộp	35	26	30	-9	74,3	4	115,4
3. Thuế TNDN (triệu đồng)							
- DNVVN	30123	30421	22156	298	101,0	- 8265	72,8
- Công ty TNHH	27056	27237	20089	181	100,7	- 7148	73,8
- Tỷ lệ thuế TNDN Công ty TNHH/ DNVVN (%)	89,8	89,5	90,7	-0.3	-	1,1	-

(Nguồn: Chi Cục thuế thành phố Huế, 2018 - 2020)

* Về quản lý đăng ký thuế TNDN: số liệu Bảng 1 cho thấy, từ năm 2018 đến năm 2020 tình hình quản lý đăng ký thuế của Công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế biến động theo chiều hướng giảm. Đặc biệt trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid nên chỉ có 399 công ty được cấp mã số thuế, 639 công ty dừng hoạt động do các nguyên nhân: 178 công ty giải thể, 299 công ty tạm ngừng kinh doanh, 162 công ty bỏ kinh doanh. Đối với công tác quản lý đăng ký thuế, thực hiện cơ chế một cửa liên thông, Chi cục thuế thành phố Huế phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc đồng nhất hệ thống mã số thuế với mã số đăng ký kinh doanh, giảm thời gian cấp mã số thuế còn 3 ngày nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các DN mới thành lập, đồng thời tạo sự thuận tiện cho việc theo dõi, cập nhật và quản lý DN mới thành lập trên địa bàn. Tuy nhiên, đối với những DN dừng hoạt động, việc xác định DN tạm ngừng kinh doanh và DN bỏ kinh doanh

còn bị động và bất cập. Do đó, rà soát những DN này để đảm bảo quản lý thuế đúng với số lượng DN thực tế là vấn đề đặt ra cho Chi cục Thuế thành phố Huế.

* *Về quản lý kê khai thuế TNDN*: từ năm 2018 – 2020 số lượng hồ sơ khai thuế (HSKT) TNDN có sự thay đổi cùng với sự biến động các Công ty TNHH trên địa bàn. Năm 2019 so với năm 2018 tăng 127 hồ sơ tương ứng tăng 9,4%, năm 2020 tăng 37 hồ sơ tương ứng tăng 2.5% so với năm trước. Trong tổng số lượng HSKT, tỷ lệ HSKT thực nộp hàng năm chiếm từ 97% - 98% tương ứng với 1318 hồ sơ và 1487 hồ sơ. Trong đó, HSKT nộp đúng hạn đạt 94% - 97% trong tổng HSKT thực nộp. Kết quả này có được là do: (1) NNT đã chủ động với việc thực hiện cơ chế tự khai, tự nộp thuế; (2) tính thực thi của Nghị Định 125/2020/NĐ – CP về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn với mức phạt cao hơn so với các quy định trước đây làm cho các công ty chủ động với việc thực hiện nghĩa vụ thuế của mình; (3) áp dụng kê khai thuế điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty trong thực hiện kê khai thuế. Tính đến ngày 31/12/2020, có 100% Công ty TNHH trên địa bàn thành phố hoàn thành đăng ký nộp thuế điện tử với cơ quan thuế, trong đó có 1.621 công ty chiếm 81% đã thực hiện với tổng số tiền là 10.013 triệu đồng.

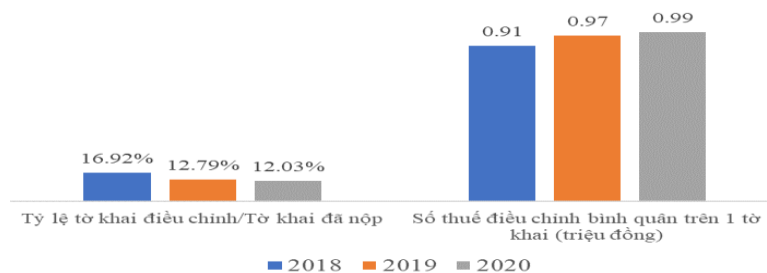
* *Tình hình thu thuế TNDN*: từ năm 2018 và 2019 nguồn thu từ thuế TNDN của các công ty TNHH trên địa bàn tương đối ổn định với hơn 27.000 triệu đồng/năm. Tuy nhiên, đến năm 2020 do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 và thiên tai vào những tháng cuối năm đã làm cho hoạt động kinh doanh của các ngành nghề du lịch, dịch vụ, thương mại... bị đình trệ. Nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tháo gỡ những khó khăn trước mắt, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết 116/2020/QH14 về giảm 30% thuế TNDN phải nộp trong năm 2020. Vì vậy, nguồn thu thuế này giảm mạnh với 7.148 triệu đồng, tương ứng giảm 26,2% so với năm trước.

Mặc dù nguồn thu thuế TNDN từ Công Ty TNHH có sự biến động mạnh nhưng vẫn chiếm một tỷ trọng khá lớn với 89,8% - 90,7% trong tổng thuế TNDN từ các DN/VN. Trong quá trình thực hiện nguồn thu này cho thấy, đây là sắc thuế khó quản lý, dễ bị NNT lợi dụng kẽ hở trong quy định để lách Luật, trốn thuế. Do đó, tổ chức giám sát chặt chẽ, đảm bảo thực hiện thu đúng, thu đủ nguồn thuế TNDN là một chủ trương được đặt ra của Chi cục thuế thành phố Huế.

b. Tình hình kiểm tra hồ sơ khai thuế, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế TNDN

Hàng năm, trên cơ sở phân tích rủi ro về kê khai và nộp thuế của các DN, Chi cục thuế lập kế hoạch kiểm tra theo Quý và cả năm. Căn cứ vào tình hình thực tế, thực hiện theo 2 hình thức:

* *Kiểm tra thuế tại CQT*: dựa trên các dữ liệu kê khai thuế trên hệ thống dữ liệu của ngành về: thông tin về NNT, tình hình nộp HSKT, tình hình nợ thuế... công tác kiểm tra được thực hiện ngay khi tiếp nhận HSKT để phát hiện sai sót và điều chỉnh. Kết quả thực hiện cho thấy (Hình 1): tỷ lệ HSKT điều chỉnh trong tổng HSKT có xu hướng giảm từ 16,9% năm 2018 còn 12,3% trong năm 2020. Trong đó, 100% hồ sơ điều chỉnh đều tăng mức thuế phải nộp với giá trị là 1.189 triệu đồng năm 2018, 1.278 triệu đồng năm 2019 và 1.299 triệu đồng năm 2020, tương ứng với số thuế điều chỉnh bình quân lần lượt hàng năm là 0,91, 0,97 và 0,99 triệu đồng/hồ sơ.



Hình 1. Tình hình điều chỉnh hồ sơ khai thuế TNDN tại bàn của Công Ty TNHH tại Chi cục Thuế thành phố Huế qua 3 năm (2018 – 2020)

(Nguồn: Chi Cục thuế thành phố Huế, 2018 - 2020)

* Về kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế: được tiến hành trong trường hợp: (1) khi NNT không thực hiện giải trình bổ sung thông tin tài liệu theo thông báo của Chi cục thuế, hoặc giải trình nhưng không chứng minh được số thuế khai là đúng; (2) từ danh sách các doanh nghiệp được Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt theo đề nghị của Chi cục thuế thành phố Huế.

Bảng 2. Truy thu thuế của Công Ty TNHH tại Chi cục Thuế thành phố Huế qua 3 năm (2018 – 2020) (Đvt: triệu đồng)

Nội dung	2018	2019	2020	2019/2018		2020/2019	
				±	%	±	%
1. Tổng truy thu thuế TNDN	6706,1	9587,9	6726,7	2881,8	142,97	-2861,2	70,16
Trong đó: Công ty TNHH	5700,2	8389,4	5347,8	2689,2	147,18	-3041,6	63,74
2. Tỷ lệ truy thu thuế TNDN của Công ty TNHH/ Tổng truy thu thuế TNDN (%)	85,0	87,0	79,0	0,02	-	-0,08	-

(Nguồn: Chi Cục thuế thành phố Huế, 2018 - 2020)

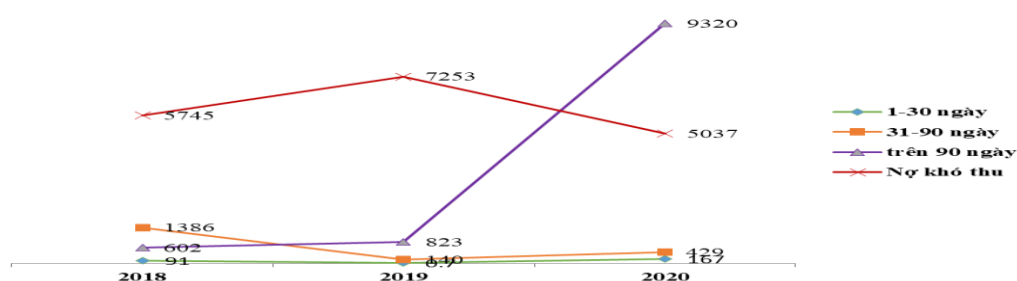
Từ năm 2018 đến 2020, Chi cục thuế thành phố Huế thực hiện kiểm tra tại trụ sở từ 10% – 15% công ty TNHH. Năm 2019, số tiền truy thu thuế đạt cao nhất với 8.389,4 triệu đồng, tăng 2.689,2 triệu đồng tương ứng với tăng 47,18% so với năm 2018. Đến năm 2020, do dịch bệnh, thiên tai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty trên địa bàn kéo theo sự sụt giảm về thuế TNDN. Trước khó khăn chung của các công ty, hoạt động kiểm tra thuế tại trụ sở chưa thể thực hiện theo kế hoạch đề ra, do đó giá trị truy thu thuế giảm mạnh với 3041.6 triệu đồng tương ứng giảm 36,2% so với năm trước (Bảng 2).

Các sai phạm dẫn đến truy thu thuế TNDN hàng năm tập trung chủ yếu vào một số nội dung như: kê khai không đầy đủ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ; hạch toán sai các khoản mục giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp; hạch toán chi phí lãi vay vượt quy định khi chưa góp đủ vốn kinh doanh... Nguyên nhân của những sai phạm trên được xác định từ 2 phía: (1) từ các DN: cố ý sai phạm khi thực hiện kê khai thuế; kế toán thuế thiếu kinh nghiệm và hạn chế về năng lực, thực hiện sổ sách để đối phó với CQT.; (2) Từ CQT: chưa thường xuyên kiểm tra đôn đốc kịp thời thực hiện Luật thuế TNDN; CQT chỉ tập trung kiểm tra với DN có từ sau 3 năm thành lập; khi phát hiện sai phạm, áp dụng quy định truy thu thuế TNDN của các công

ty với giá trị thấp, cụ thể: tiền phạt nộp chậm thuế truy thu 0,05%/ngày, tiền phạt 10% đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền phạt phải nộp, phạt từ 1 đến 3 lần giá trị trốn thuế.

* *Về công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế*: đội quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế của Chi cục thuế triển khai các bước: thu thập thông tin, xác định đối tượng nợ, số tiền thuế nợ để lập chỉ tiêu thu nợ, phân loại nợ thuế và tổ chức thực hiện đơn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ. Các biện pháp thực hiện thu nợ và cưỡng chế nợ gồm: đơn đốc bằng điện thoại, phát hành thông báo nợ, yêu cầu cam kết trả nợ đến việc xác minh tài khoản ngân hàng, thông báo áp dụng cưỡng chế và chuẩn bị hồ sơ áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

Tính đến 31/12 hàng năm, nợ thuế TNDN của các Công ty TNHH trên địa bàn đang có xu hướng tăng, đặc biệt trong năm 2020 tăng 5.968 triệu đồng so với năm 2019. Tỷ lệ nợ thuế TNDN so với tổng thuế TNDN trên địa bàn chiếm 28,92% trong năm 2018 và lên đến 74,43% với giá trị đạt cao nhất là 14.954 triệu đồng trong năm 2020. Tỷ lệ nợ này hiện quá cao so với định mức giảm nợ thuế dưới 5% do Cục thuế tỉnh đặt ra.



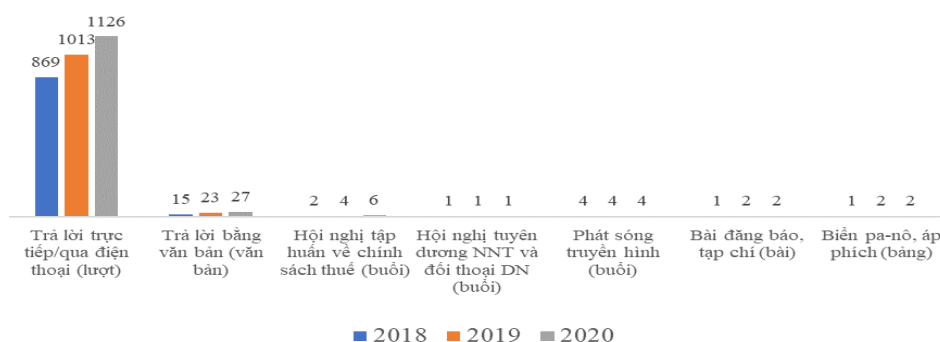
Hình 2. Phân loại nợ thuế TNDN của Công Ty TNHH theo thời gian qua 3 năm 2018-2020

(Nguồn: Chi Cục thuế thành phố Huế, 2018 - 2020)

Quản lý theo thời gian đối với các khoản nợ thuế TNDN có khả năng thu được chia thành 3 nhóm (Hình 2). Trong đó, nợ thuế TNDN từ 1 đến 30 ngày luôn đạt mức thấp nhất qua 3 năm, biến động từ 91 đến 167 triệu đồng; các khoản nợ thuế từ 31 đến 90 ngày đang giảm mạnh từ 1.368 triệu đồng trong năm 2018 còn 429 triệu trong năm 2020; và khoản nợ thuế trên 90 ngày tăng nhanh từ 602 đến 823 triệu đồng trong các năm 2018, 2019 và đến năm 2020 đạt cao nhất với 9230 triệu đồng, chiếm 93,9% trong số nợ có khả năng thu. Nguyên nhân là do Chi cục Thuế áp dụng hỗ trợ gia hạn nộp thuế TNDN cho các DN VVN theo quy định của chính phủ trong năm 2020, đồng thời 581 công ty TNHH được khoan nợ thuế TNDN đã làm giảm nợ khó thu, chuyển thành nợ thuế TNDN có khả năng thu đối với các Công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế.

c. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT được coi là một trong bốn chức năng quan trọng trong quản lý thuế. Nhận thức được vai trò trên, trong những năm qua Chi cục thuế thành phố Huế đã tập trung công tác tuyên truyền với nhiều hình thức (Hình 3): 4 buổi phát sóng trên truyền hình/năm, 1 - 2 bài báo trên các tạp chí/năm và tuyên truyền qua Pano, áp phích từ 1-2 bảng lớn/năm. Nội dung tuyên truyền tập trung vào Luật quản lý thuế, những nội dung mới về thuế, những nội dung của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thực hiện...



Hình 3. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế tại Chi cục Thuế thành phố Huế qua 3 năm (2018 – 2020)

(Nguồn: Chi Cục thuế thành phố Huế, 2018 - 2020)

Đối với công tác hỗ trợ thuế cho NTT, Chi cục thuế thành phố thực hiện bằng hình thức: hỏi đáp trực tiếp hoặc qua điện thoại với hơn 1000 lượt/năm, hướng dẫn hoặc trả lời từ 15 – 27 văn bản/năm, từ 2 – 6 buổi hội nghị tập huấn về chính sách thuế/năm và hàng năm tổ chức 01 hội nghị tuyên dương NNT và đối thoại DN... Kết quả này cho thấy, trong thời gian qua công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT tại Chi cục Thuế thành phố Huế đã được đa dạng hoá về hình thức, chất lượng và số lượng, góp phần nâng cao tính tự giác và tuân thủ pháp luật thuế của NNT trên địa bàn.

4.2. Kết quả khảo sát công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế về quản lý thuế TNDN

a. Thông tin chung về mẫu nghiên cứu

175 công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế tham gia khảo sát có đặc điểm: gần 70% công ty TNHH thuộc lĩnh vực thương mại và dịch vụ, 10,1% trong lĩnh vực sản xuất, 10,9% kinh doanh vận tải và gần 9% trong lĩnh vực xây dựng; về quy mô vốn, 82,9% công ty có vốn từ 2 – 5 tỷ đồng, 13,1% công ty có vốn dưới 2 tỷ đồng, 4% còn lại là các công ty có số vốn trên 5 tỷ đồng; về thời gian hoạt động, có 48% công ty được thành lập từ 3 – 5 năm, 32% hoạt động trên 5 năm và 20% công ty kinh doanh dưới 3 năm. Có thể thấy, đặc điểm mẫu nghiên cứu phù hợp với tình hình chung của các công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế, đó là: tập trung phần lớn ở lĩnh vực thương mại, dịch vụ; quy mô vốn vừa và nhỏ; thời gian hoạt động chủ yếu từ 1 đến 5 năm.

b. Kết quả đánh giá các nội dung về công tác quản lý thuế TNDN của đối tượng khảo sát

*** Kết quả đánh giá theo các nội dung**

Kết quả đánh giá các nội dung về công tác quản lý thuế TNDN của đối tượng khảo sát dựa vào giá trị trung bình với tiêu chuẩn đánh giá: khoảng cách = $(Max - Min)/n = (5-1)/5 = 0,8$; với thang đo: 1 – hoàn toàn không đồng ý đến 5 – hoàn toàn đồng ý.

Ý nghĩa giá trị trung bình các mức đánh giá: 1,00 – 1,80: Hoàn toàn không đồng ý; 1,81 – 2,60: Không đồng ý; 2,61 – 3,40: Không ý kiến; 3,41 – 4,20: Đồng ý; 4,21 – 5,00: Hoàn toàn đồng ý.

Kết quả đánh giá ở Hình 4 thể hiện: điểm trung bình của 4 nội dung đạt từ 3,5 - 4,0 chứng tỏ các đơn vị tham gia khảo sát đều đồng ý với các tiêu chí đánh giá về công tác quản lý thuế TNDN của Chi cục Thuế thành phố Huế. Cụ thể:

Thứ nhất, Thủ tục đăng ký, kê khai nộp thuế TNDN được đánh giá cao nhất với điểm trung bình là 4,0, trong đó 4/5 tiêu chí về *niêm yết, hướng dẫn, hình thức nộp thuế TNDN và thời hạn kê khai nộp thuế công khai, đầy đủ, nhanh chóng và đúng quy định* nhận được điểm trung bình từ 3,7 – 4,4 (đồng ý); 1 tiêu chí là *thực hiện thủ tục thuế TNDN nhanh chóng* đạt 3,2 điểm tương ứng với mức không ý kiến. Đây cũng chính là vướng mắc chung của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện kê khai thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng. Nguyên nhân là từ Quý 4 năm 2014, Chi Cục thuế thành phố Huế đã triển khai kê khai thuế điện tử và đến nay hoạt động này gần như là bắt buộc đối với các DN. Trong quá trình thực hiện các giao dịch điện tử, do những hạn chế về hạ tầng công nghệ thông tin, lỗi phần mềm hay lỗi đường truyền Internet... việc kê khai và nộp thuế điện tử của các doanh nghiệp gặp những tình trạng như: gửi tờ khai không thành công, không thực hiện được quy trình nộp thuế điện tử... Do đó các DN này phải đến cơ quan thuế để thực hiện nghĩa vụ thuế dưới sự hướng dẫn của cán bộ thuế.

Thứ hai, Công tác tuyên truyền và hỗ trợ NNT TNDN với điểm trung bình là 3,8 gồm 5 tiêu chí: *luật, quy định thuế mới được gửi đến DN kịp thời, các nội dung tập huấn là phù hợp với nhu cầu của DN, hình thức tuyên truyền thuế đa dạng, thắc mắc được giải đáp kịp thời và thái độ hỗ trợ nhân viên thuế chuyên nghiệp* đều đạt mức đồng ý với điểm từ 3,6 – 4,0 điểm.

Thứ ba, Công tác quản lý và cưỡng chế nợ thuế có điểm trung bình 3,6 gồm 3 nội dung: *thông báo nợ thuế TNDN đúng quy định, số tiền nợ thuế được tính chính xác* với điểm lần lượt là 3,8 – 4,0; riêng tiêu chí *biện pháp cưỡng chế thuế phù hợp* chỉ đạt 3,1 điểm (không ý kiến). Hiện nay, Chi cục thuế thành phố Huế đang áp dụng các biện pháp thu nợ và cưỡng chế theo các bước như: đơn đốc bằng điện thoại, phát hành thông báo nợ, yêu cầu cam kết trả nợ đến việc xác minh tài khoản ngân hàng, thông báo áp dụng cưỡng chế và chuẩn bị hồ sơ áp dụng các biện pháp cưỡng chế. Tuy nhiên, một số DN cho rằng trong bối cảnh dịch bệnh Covid, các DN đang gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nên nợ thuế là không thể tránh khỏi. Do đó, các DN này cho rằng, cần kéo dài thời gian nộp thuế hơn nữa để tạo điều kiện cho DN chủ động với nghĩa vụ của mình.

Cuối cùng, Công tác kiểm tra thuế TNDN đạt điểm trung bình thấp nhất là 3,5 điểm. Trong đó có 2/5 tiêu chí nhận được sự đồng ý người khảo sát với điểm từ 3,8 – 4,0 điểm gồm: *thời gian kiểm tra thuế tại trụ sở NNT thực hiện quy định và Công tác kiểm tra thuế giúp DN hoàn thiện hoạt động kê khai, hạch toán kết quả HĐKD*. 3/5 tiêu chí còn lại chưa nhận được sự đồng ý của người đánh giá với mức điểm từ 3,1 - 3,4 điểm gồm: *Cán bộ kiểm tra thuế có trình độ chuyên môn, Cán bộ kiểm tra thuế có thái độ tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và việc đề xuất xử lý vi phạm các quy định về thuế TNDN của cán bộ kiểm tra thuế là phù hợp*.

Đánh giá này khá phù hợp với thực trạng công tác kiểm tra thuế TNDN trên địa bàn, đó là: chưa kết hợp thông tin từ Ngân hàng, Kho bạc và Quản lý thị trường... khi phân tích rủi ro trên hồ sơ khai thuế; chưa sử dụng kết quả phân tích thông tin DN để lập kế hoạch kiểm tra; việc kiểm tra, phân tích chủ yếu so sánh đối chiếu các chỉ tiêu trên HSKT của NNT mà chưa có đánh giá về xu

hướng phát triển ngành nghề trên địa bàn; đối tượng kiểm tra tại trụ sở chưa mang tính đại diện... vì vậy kết quả công tác kiểm tra thuế được cho là chưa thuyết phục.



Hình 4. Điểm trung bình đánh giá các nội dung về công tác quản lý thuế TNDN (*)

(Nguồn: xử lý dữ liệu điều tra của tác giả, 2021)

Ghi chú: (*) kiểm định One sample T - test với giá trị = 3, mức ý nghĩa (sig) < 0,05.

*** Kết quả đánh giá chia theo đặc điểm của đối tượng tham gia khảo sát**

Nhằm mục đích xem xét sự khác nhau theo một số đặc điểm của các đối tượng tham gia khảo sát khi đánh giá 4 nội dung về công tác quản lý thuế TNDN trên địa bàn thành phố Huế, bài viết phân tích sự khác biệt giá trị trung bình theo: (1) Quy mô vốn: đặc điểm mẫu cho thấy, có 7 đơn vị có quy mô vốn > 5 tỷ đồng, chiếm 4% trong tổng số 175 đơn vị tham gia khảo sát, do đó, bài viết phân tích sự khác biệt trung bình bằng phương pháp Independent sample T – test cho 2 nhóm: dưới 2 tỷ đồng và từ 2 – 5 tỷ đồng; (2) Thời gian hoạt động: sử dụng phương pháp One – way Anova để phân tích sự khác biệt trung bình theo 3 nhóm: thời gian hoạt động dưới 3 năm, từ 3 – 5 năm và trên 5 năm. Kết quả thể hiện ở Bảng 3:

Bảng 3. Điểm trung bình đánh giá các nội dung về công tác quản lý thuế TNDN theo đặc điểm quy mô vốn và thời gian hoạt động của đối tượng khảo sát

Nội dung	Điểm trung bình					
	Chung	Quy mô vốn (tỷ đồng) ⁽¹⁾		Thời gian hoạt động (năm) ⁽²⁾		
		< 2	2 – 5	< 3	3 - 5	> 5
1. Công tác kiểm tra thuế TNDN	3,5	3,9	3,4	3,6 (*)	3,5(*)	3,5(*)
2. Công tác QLNT và cưỡng chế nợ thuế TNDN	3,6	3,8	3,5	3,8	3,7	3,2
3. Công tác tuyên truyền và hỗ trợ NNT TNDN (*)	3,8	3,5	3,9	3,6	3,9	3,8
4. Thủ tục đăng ký, kê khai nộp thuế TNDN (*)	4,0	4,0	4,0	4,0	4,0	4,1

(Nguồn: xử lý dữ liệu điều tra của tác giả, 2021)

Ghi chú: ⁽¹⁾: Phương pháp kiểm định khác biệt trung bình (Independent sample T – test)

⁽²⁾: Phương pháp kiểm định khác biệt trung bình (One - way Anova)

(*): Không có sự khác biệt trong đánh giá với mức ý nghĩa > 5%.

Kết quả Bảng 3 thể hiện: trong 4 nội dung đánh giá về công tác quản lý thuế TNDN trên địa bàn đối với các công ty TNHH, Công tác tuyên truyền và hỗ trợ NNT TNDN và Thủ tục đăng ký, kê khai nộp thuế TNDN có sự tương đồng trong đánh giá đối với các nhóm DN về quy mô vốn và thời gian hoạt động. Thêm vào đó, DN có thời gian hoạt động khác nhau cũng không có sự khác biệt trong đánh giá đối với nội dung Công tác kiểm tra thuế TNDN.

Các nội dung có sự khác biệt trong đánh giá (mức ý nghĩa $< 0,05$) gồm:

Công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế TNDN: DN có quy mô vốn từ 2-5 tỷ có điểm trung bình đánh giá thấp hơn đối với các DN có quy mô vốn < 2 tỷ; và DN có thời gian hoạt động trên 5 năm có điểm trung bình đánh giá thấp hơn các DN có thời gian hoạt động dưới 5 năm.

Công tác kiểm tra thuế TNDN, có sự khác biệt khá lớn trong đánh giá giữa các doanh nghiệp có quy mô vốn khác nhau. Thể hiện: DN có quy mô vốn từ 2-5 tỷ đạt điểm trung bình 3,4 (Không ý kiến), trong khi đó nhóm DN có vốn < 2 tỷ có điểm trung bình đạt 3,9 (đồng ý).

Kết quả phân tích thể hiện, những DN có quy mô vốn lớn và thời gian hoạt động dài, thường có mức độ đồng ý thấp hơn so với các DN khác về *Công tác kiểm tra thuế TNDN* và *Công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế TNDN*. Thực tế cho thấy, những nhóm DN này thường được chi cục Thuế thành phố Huế chú trọng trong công tác quản lý thuế, vì vậy các nội dung đánh giá liên quan phản ánh kết quả khách quan của nhóm DN này.

4.3. Khuyến nghị tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập đối với Công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế

Từ thực trạng công tác quản lý thuế TNDN đối với công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế qua 3 năm 2018 – 2020 và kết quả khảo sát 175 công ty TNHH, nhóm tác giả đề xuất một số khuyến nghị về tăng cường công tác quản lý thuế TNDN đối với các công ty TNHH như sau:

Thứ nhất, kết quả khảo sát cho thấy, cần tiếp tục phát huy ưu điểm về công tác quản lý đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế TNDN hiện nay. Đồng thời, với số lượng các công ty TNHH thường xuyên biến động qua các năm, công tác này cần được tăng cường thông qua việc kết nối, chia sẻ thông tin với các bên liên quan, cụ thể:

Khai thác tối ưu cơ chế một cửa bằng việc xây dựng quy chế kết nối và chia sẻ thông tin giữa cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Sở Kế hoạch và Đầu tư), cơ quan cấp đăng ký mẫu dấu của DN (cơ quan Công an) và cơ quan Thuế để cập nhật nhanh chóng và chính xác các DN mới thành lập trên địa bàn.

Triển khai quy trình kết nối thông tin với các cơ quan liên quan và DN để cập nhật tình hình các công ty đang kinh doanh, bỏ kinh doanh, tạm dừng kinh doanh, giải thể, phá sản, nhập, chia, tách hoặc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh... đảm bảo cho công tác quản lý kê khai thuế TNDN kịp thời, chính xác, từ đó xác định nguồn thu thuế TNDN theo đúng quy định của pháp luật.

Sử dụng kết hợp các hình thức văn bản, điện thoại, email định kỳ, kênh thông tin Offline, Online để nhắc nhở, đôn đốc các công ty thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN đúng thời gian quy định.

Đầu tư nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin chuyên biệt phục vụ hoạt động của ngành thuế; nâng cấp đường truyền Internet nhằm đảm bảo sự thuận tiện trong công tác kê khai thuế điện tử của NNT. Đối với công ty mới thành lập, khuyến khích và hỗ trợ 100% công ty áp dụng mã vạch hai chiều trong kê khai thuế.

Thứ hai, tăng cường tính hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với đặc điểm các công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế về công tác kiểm tra, kiểm soát thuế TNDN.

Kết hợp nguồn thông tin nội bộ, thông tin bên ngoài (Ngân hàng, Kho bạc, và Quản lý thị trường...), kết quả phân tích thông tin DN và đánh giá về xu hướng phát triển ngành nghề trên địa bàn... trong quá trình phân tích hồ sơ khai thuế, đánh rủi ro để kiểm tra DN trốn thuế... từ đó lập kế hoạch kiểm tra NNT đúng với quy định, đảm bảo tính thực tiễn và tính đại diện mẫu kiểm tra.

Khi thực hiện quyết toán thuế TNDN đối với các công ty TNHH, cần tăng cường kiểm tra các khoản chi phí để đảm bảo các chi phí đã được hạch toán theo đúng quy định của pháp luật; kiểm tra tính hợp pháp và hợp lý của hóa đơn đang sử dụng tại các công ty TNHH nhằm hạn chế sai phạm về kê khai và nộp thuế, chế độ kế toán của các đơn vị liên quan.

Cần phân loại các nhóm công ty có sự sai phạm về thuế TNDN để xây dựng kế hoạch kiểm tra phù hợp. Đối với công ty thường xuyên sai phạm, cần thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ; với các công ty sai phạm không thường xuyên và do những nguyên nhân khách quan, cần chú trọng kiểm tra, nhắc nhở và hướng dẫn thực hiện để tránh sai phạm.

Áp dụng chính xác và phù hợp các tiêu chí xác định danh sách các công ty TNHH được kiểm tra thuế tại trụ sở nhằm đảm bảo tính đại diện, tính hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát; tránh bỏ sót các công ty có nhiều sai phạm; tránh lãng phí thời gian và nguồn lực của CQT đối với các công ty có sai phạm không đáng kể về thuế TNDN.

Thứ ba, tăng cường tính hiệu quả và thiết thực của công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế đối với các công ty TNHH trên địa bàn, đặc biệt chú trọng đối với các công ty có quy mô vốn lớn và thời gian hoạt động dài.

Tăng cường mối quan hệ với ngân hàng, kho bạc nhà nước để đôn đốc các công ty nộp thuế theo thời gian quy định; kết hợp với các cơ quan có thẩm quyền xử lý những công ty có nợ đọng kéo dài; đồng thời, đẩy mạnh công tác đôn đốc, cưỡng chế (phong tỏa tài khoản, kê biên tài sản để bán đấu giá...) nhằm thu hồi nợ thuế, góp phần khắc phục tình trạng nợ đọng thuế.

Thứ tư, nâng cao chất lượng về nội dung và hình thức tuyên truyền hỗ trợ NNT

Thực hiện điều tra định kỳ NNT, từ đó xây dựng nội dung tuyên truyền và hỗ trợ về thuế một cách thiết thực, xuất phát từ nhu cầu của NNT.

Chú trọng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ thuế qua hình thức điện tử; khai thác hiệu quả các kênh thông tin qua Internet (Facebook, Messenger, Zalo, Intergram...) trong thực hiện tuyên truyền và hỗ trợ thuế, tạo sự thuận tiện cho NNT trong việc tiếp cận thông tin liên quan.

Cuối cùng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thuế

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ ngành, chú trọng đến đạo đức tác phong, việc chấp hành kỷ cương, kỷ luật của cán bộ thuế.

Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý thuế, nhất là quản lý thuế TNDN đối với DN ngoài quốc doanh; tăng cường trình độ công nghệ thông tin và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc thực tế.

5. KẾT LUẬN

Với số lượng công ty TNHH chiếm khoảng 70% trong tổng số DN VVN trên địa bàn, hàng năm thuế TNDN từ các công ty này chiếm trên 78% trong tổng thuế TNDN của toàn thành phố Huế cho thấy đây là nguồn thu ổn định cho NSNN. Từ kết quả phân tích về tình hình quản lý đăng ký, kê khai và nộp thuế TNDN; kiểm tra hồ sơ khai thuế TNDN; Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; và Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế đối với Công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế từ năm 2018 – 2020 và kết quả khảo sát của 175 công ty TNHH trên địa bàn, 5 khuyến nghị góp phần tăng cường công tác quản lý thuế TNDN đối với công ty TNHH trên địa bàn thành phố Huế được đề xuất gồm: tăng cường quản lý đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế TNDN thông qua việc kết nối, chia sẻ thông tin với các bên liên quan; tăng cường tính hiệu quả của công tác kiểm tra, kiểm soát thuế TNDN; tăng cường tính hiệu quả và thiết thực của công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; nâng cao chất lượng về nội dung và hình thức tuyên truyền hỗ trợ NNT; và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thuế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Charles E. McLure, Jr, Taxation, Britannica. *Bản gốc lưu trữ ngày 18 tháng 3 năm 2015. Truy cập ngày 3 tháng 3 năm 2015.* <https://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%BF>.
2. Gaston Jèze (1935), *Cours de Finances Publiques 1934-1935*, Librairie Gènerales de Droit & de Jurisprudence, 1935.
3. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư số: 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 về Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị Định về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông Tư Số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông Tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 Của Bộ Tài Chính.*
4. Chính Phủ (2020), *Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.*
5. PGS. TS. Nguyễn Thị Liên và PGS.TS. Nguyễn Văn Liệu (2008), *Giáo trình thuế*, Nhà xuất bản Tài Chính, 2008.
6. Hồ Hương (2020), *Đánh giá về tình hình thực hiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ Việt Nam, Cổng thông tin điện tử Quốc hội nước Cộng hòa xã Hội chủ nghĩa.* <https://quochoi.vn/tintuc/pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=46352>
7. Tổng cục Thuế Việt Nam (2011), *Tài liệu bồi dưỡng cho công chức ngành thuế mới năm 2011*, lưu hành nội bộ.
8. Nguyễn Đình Trường (2021), *Hiệu quả quản lý thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tại Chi cục Thuế quận Hà Đông, Tạp chí Tài chính kỳ 2 tháng 5/2021.*

<https://tapchitaichinh.vn/Chuyen-dong-tai-chinh/hieu-qua-quan-ly-thue-thu-nhap-doanh-nghiep-doi-voi-cac-doanh-nghiep-ngoai-quooc-doanh-tai-chi-cuc-thue-quan-ha-dong-334912.html>

9. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Luật số 14/2008/QH12 của Quốc hội: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.*

10. Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Nghị quyết số: 94/2019/QH14 về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước.*

11. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Luật số 38/2019/QH14 của Quốc hội: Luật Quản lý thuế.*

12. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật số 59/2020/QH14 của Quốc hội: Luật Doanh nghiệp.*

CORPORATE INCOME TAX MANAGEMENT FOR LIMITED LIABILITY COMPANY IN HUE CITY

Abstract: Corporate income tax is one of the essential and stable sources of government budget revenue; thus, strengthening the management of this tax source is always a requirement for tax authorities. Based on the analysis of tax management of Ltd companies in Hue city and 175 observations through the Corporate income tax registration, declaration and payment; tax declaration dossiers; debt management and tax debt enforcement; and support for taxpayers over the past three years from 2018 to 2020, the article proposes five suggestions to help strengthen the management of income tax of Ltd companies in Hue city.

Keywords: Corporate income tax, Limited liability Company, Tax management, Hue city.